

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quyết Thắng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Khiêm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Đức Khiêm

Lê Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số : 2202.09-23/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 28/02/2022.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		146.474.897.122	133.481.713.330
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	20.483.943.983	16.621.096.668
1. Tiền	111		5.445.804.278	16.621.096.668
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.038.139.705	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.124.500.666	35.617.858.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	25.414.502.472	25.449.749.085
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3.	1.319.811.688	4.401.052.085
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4.	5.390.186.506	5.767.057.773
IV. Hàng tồn kho	140	V.5.	92.190.498.306	80.659.597.311
1. Hàng tồn kho	141		92.190.498.306	80.659.597.311
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.675.954.167	583.160.408
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	140.053.335	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.535.900.832	220.819.299
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11.	-	362.341.109
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.673.461.782	26.290.752.816
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.906.871.739	25.995.204.193
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	20.586.434.252	25.559.516.702
- Nguyên giá	222		100.721.388.454	98.852.883.727
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80.134.954.202)	(73.293.367.025)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	320.437.487	435.687.491
- Nguyên giá	228		576.250.000	576.250.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(255.812.513)	(140.562.509)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		766.590.043	295.548.623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	766.590.043	295.548.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		168.148.358.904	159.772.466.146

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.575.491.139	128.041.986.559
I. Nợ ngắn hạn	310		135.575.491.139	128.041.986.559
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9.	49.889.118.873	37.362.791.264
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10.	5.730.267.809	6.921.168.981
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11.	183.858.725	10.282.325
4. Phải trả người lao động	314		11.351.088.869	10.751.317.594
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12.	75.401.898	47.634.693
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14.	55.555.556	45.454.546
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.	976.383.857	6.969.576.010
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16.	60.019.314.883	64.000.919.631
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.15.	5.200.000.000	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.094.500.669	1.932.841.515
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.572.867.765	31.730.479.587
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	32.572.867.765	31.730.479.587
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	20.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	11.730.479.587
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.572.867.765	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.572.867.765	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		168.148.358.904	159.772.466.146

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thanh Định

Lê Văn Võ Thành

Lê Đức Khiêm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	454.933.518.635	285.678.280.479
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	10.466.000	195.384.771
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		454.923.052.635	285.482.895.708
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	413.884.028.225	261.580.207.894
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.039.024.410	23.902.687.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	6.236.874.627	1.978.472.428
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	4.776.920.581	2.888.096.514
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.051.810.270	2.596.335.192
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	4.493.314.411	3.028.276.553
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	29.979.420.522	17.976.153.808
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		8.026.243.523	1.988.633.367
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	148.256.441	97.282.857
12. Chi phí khác	32	VI.7.	106.786.147	-
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		41.470.294	97.282.857
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8.067.713.817	2.085.916.224
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	1.197.736.553	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.869.977.264	2.085.916.224
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11.	1.607,65	144,06

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Định

Lê Văn Võ Thành

Lê Đức Khiêm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.067.713.817	2.085.916.224
2. Điều chỉnh cho các khoản				
. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.956.837.181	7.753.978.644
. Các khoản dự phòng	03		5.200.000.000	(121.828.365)
. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.760.460.458)	(734.149.822)
. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.002.264.531)	(85.167.148)
. Chi phí lãi vay	06		2.051.810.270	2.596.335.192
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.513.636.279	11.495.084.725
. Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.287.413.658	(12.304.124.433)
. Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(11.530.900.995)	(7.329.937.969)
. Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.601.796.812	14.865.163.064
. Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(611.094.755)	307.190.791
. Tiền lãi vay đã trả	14		(2.099.444.963)	(2.548.700.499)
. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(694.297.754)	(507.332.390)
. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	25.780.000
. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.135.929.932)	(2.202.899.191)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.331.178.350	1.800.224.098
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.757.959.272)	(4.841.540.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	53.181.819
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.002.264.531	85.167.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.244.305.259	(4.703.191.942)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		215.172.634.731	165.706.359.838
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(217.879.804.199)	(157.559.475.863)

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.046.418.000)	(1.992.020.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(5.753.587.468)</i>	<i>6.154.863.975</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.821.896.141	3.251.896.131
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		16.621.096.668	12.437.833.203
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.040.951.174	931.367.334
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	20.483.943.983	16.621.096.668

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Định

Lê Văn Võ Thành



Lê Đức Khiêm

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005810 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006. Công ty có 02 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4103005810 thay đổi lần 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 2019 thì vốn điều lệ của Công ty là **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng). Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tăng vốn từ **20.000.000.000 đồng** (Hai mươi tỷ đồng) lên **29.000.000.000 đồng** (Hai mươi chín tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh Sản xuất, thương mại và dịch vụ ngành hàng may mặc.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán sản phẩm may mặc;
- Sản xuất, mua bán các loại nguyên phụ liệu, vật tư, bao bì, máy móc thiết bị ngành may mặc;
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.

Trụ sở Công ty tại: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

6. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 31/12/2022 là 500 người (tại ngày 31/12/2021: 600 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty không có khoản nợ phải thu khó đòi nào cần trích lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
- TSCĐ khác	04 - 07

7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

9. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã đánh giá lại số dư công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã đánh giá lại số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí tiền điện là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: Dự phòng tiền lương.

Dự phòng tiền lương

Dự phòng tiền lương được Công ty trích lập bằng 6,89% từ quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 để bổ sung cho quỹ tiền lương năm sau nhằm đảm bảo mức thu nhập ổn định cho người lao động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê kho. Việc phân bổ để ghi nhận vào doanh thu được thực hiện được phân bổ theo số kỳ cho thuê kho trả tiền trước.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa may mặc, vải tiết kiệm, doanh thu dịch vụ gia công, doanh thu hợp tác kinh doanh, doanh thu cho thuê kho và doanh thu khác.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền	5.445.804.278	16.621.096.668
Tiền mặt	599.021	73.226.601
Tiền gửi ngân hàng	5.445.205.257	16.547.870.067
Các khoản tương đương tiền	15.038.139.705	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng		
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn (*)	9.038.139.705	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Sơn Nhất (**)	6.000.000.000	-
Cộng	20.483.943.983	16.621.096.668

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

(*) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng với tổng số tiền 9.038.139.705 đồng, lãi suất từ 5,6 - 5,9%/năm, trả lãi cuối kỳ.

(**) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng với tổng số tiền 6.000.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, trả lãi cuối kỳ.

2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
ITOCHU Prominent USA LLC	12.776.209.060	-	10.629.442.579	-
Apparel Group Pty Ltd	2.370.023.484	-	2.239.262.110	-
Công ty CP Thời Trang Kowil Việt Nam	593.949.240	-	2.935.254.146	-
Công ty CP Thời Trang Kowil Việt Nam S	5.896.617.480	-	6.706.094.306	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ngân Hà	-	-	1.307.298.300	-
Lever Style Limited	3.072.347.362	-	-	-
Các đối tượng khác	705.355.846	-	1.632.397.644	-
Cộng	25.414.502.472	-	25.449.749.085	-

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lu Thai Textile Co.Ltd	631.759.011	-
Dayluxuries Textile Co. Ltd	251.693.996	3.982.922.364
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ 247 Hà Nội	245.000.000	-
Các đối tượng khác	191.358.681	418.129.721
Cộng	1.319.811.688	4.401.052.085

4. Phải thu khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu khác	5.390.186.506	-	5.680.049.233	-
Thuế GTGT đề nghị hoàn	4.892.808.649	-	4.846.397.790	-
Các khoản phải thu khác	497.377.857	-	833.651.443	-
Tạm ứng	-	-	14.420.704	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	72.587.836	-
Cộng	5.390.186.506	-	5.767.057.773	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.738.747.197	-	41.044.995.087	-
Công cụ, dụng cụ	3.649.983	-	26.262.292	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	27.899.969.741	-	15.214.859.578	-
Thành phẩm	37.450.734.217	-	23.396.486.502	-
Hàng gửi bán	97.397.168	-	976.993.852	-
Cộng	92.190.498.306	-	80.659.597.311	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2022	18.894.266.925	72.268.749.978	3.066.974.801	1.376.789.682	3.246.102.341	98.852.883.727
Mua trong năm	-	1.757.959.272	-	-	-	1.757.959.272
Tăng khác	-	-	-	110.545.455	-	110.545.455
Số dư ngày 31/12/2022	18.894.266.925	74.026.709.250	3.066.974.801	1.487.335.137	3.246.102.341	100.721.388.454
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2022	15.340.483.749	51.837.317.738	2.005.952.140	1.376.789.682	2.732.823.716	73.293.367.025
Khấu hao trong năm	759.609.924	5.554.244.460	326.772.348	46.060.605	154.899.840	6.841.587.177
Số dư ngày 31/12/2022	16.100.093.673	57.391.562.198	2.332.724.488	1.422.850.287	2.887.723.556	80.134.954.202
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	3.553.783.176	20.431.432.240	1.061.022.661	-	513.278.625	25.559.516.702
Tại ngày 31/12/2022	2.794.173.252	16.635.147.052	734.250.313	64.484.850	358.378.785	20.586.434.252

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 42.100.048.695 VND (Tại ngày 31/12/2021 là 36.998.758.695 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Đơn vị tính: VND	
		Cộng	
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2022	576.250.000	576.250.000	
Số dư ngày 31/12/2022	576.250.000	576.250.000	
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2022	140.562.509	140.562.509	
Khấu hao trong năm	115.250.004	115.250.004	
Số dư ngày 31/12/2022	255.812.513	255.812.513	
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2022	435.687.491	435.687.491	
Tại ngày 31/12/2022	320.437.487	320.437.487	

8. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn	140.053.335	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	140.053.335	-
b) Dài hạn	766.590.043	295.548.623
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	238.764.733	101.333.334
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	527.825.310	194.215.289
Cộng	906.643.378	295.548.623

9. Phải trả người bán

	31/12/2022 VND		01/01/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn				
Advance Factory Ltd	34.382.965.571	34.382.965.571	18.582.175.749	18.582.175.749
Lever Style Limited	82.699.999	82.699.999	5.867.938.238	5.867.938.238
Công ty CP Kết nối Thời trang	2.083.510.245	2.083.510.245	732.926.883	732.926.883
Công ty TNHH Nguyên phụ liệu An Thịnh	857.630.210	857.630.210	1.948.663.609	1.948.663.609
Freudenberg & Vilene International Ltd	852.641.681	852.641.681	1.201.766.402	1.201.766.402
Các đối tượng khác	11.629.671.167	11.629.671.167	9.029.320.383	9.029.320.383
Cộng	49.889.118.873	49.889.118.873	37.362.791.264	37.362.791.264

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
A & D Hope Ltd	-	316.237.782
Milano Fashion SP. Z O.O. SP.K.	959.137.928	1.523.708.928
ArvenCo GmbH	2.478.801.098	4.964.656.271
Prominent (Europe - UK) Limited	1.532.145.950	-
Các đối tượng khác	760.182.833	116.566.000
Cộng	5.730.267.809	6.921.168.981

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2022
a) Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.859.280.523	2.859.280.523	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	25.776.616	25.776.616	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	835.395.444	694.297.754	141.097.690
Thuế thu nhập cá nhân	10.282.325	156.619.033	124.140.323	42.761.035
Các loại thuế khác	-	12.532.701	12.532.701	-
Cộng	10.282.325	3.889.604.317	3.716.027.917	183.858.725
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	362.341.109	362.341.109	-	-
Cộng	362.341.109	362.341.109	-	-

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước tiền điện	75.401.898	-
Trích trước chi phí lãi vay	-	47.634.693
Cộng	75.401.898	47.634.693

13. Phải trả khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	458.486.234	536.861.021
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	43.068.000	359.486.000
Phải trả tiền thuê đất Bộ Quốc Phòng	-	1.624.873.956

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản phải trả, phải nộp khác	474.829.623	618.827.522
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	3.542.538.511
<i>ArvenCo GmbH</i>	-	506.149.492
<i>Jermyn Street Guild Pty Ltd</i>	-	3.036.389.019
Dư Có TK 138	-	286.989.000
Cộng	976.383.857	6.969.576.010

*b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***14. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH MTV Hoàng Chung	55.555.556	45.454.546
Cộng	55.555.556	45.454.546

15. Dự phòng phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng quỹ tiền lương	5.200.000.000	-
Cộng	5.200.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HÙNG PHÚ

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (1)	-	-	130.951.940.873	194.952.860.504	64.000.919.631	64.000.919.631
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Sơn Nhất (2)	60.019.314.883	60.019.314.883	84.220.693.858	24.201.378.975	-	-
Cộng	60.019.314.883	60.019.314.883	215.172.634.731	219.154.239.479	64.000.919.631	64.000.919.631

(1) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 14077.22.201.150497.TD ngày 14/4/2022 với hạn mức cho vay là 75 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của Công ty, thời hạn cấp hạn mức đến 22/3/2023, thời hạn và lãi suất vay theo văn bản nhận nợ theo từng lần tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay. Khoản vay được bảo đảm bằng tiền ký quỹ, hợp đồng tiền gửi, Bất động sản, Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và hàng hóa đã đang và sẽ hình thành trong quá trình sản xuất. Khoản vay đã được tất toán trong năm.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0258/22/TSN/GHTD ngày 23/6/2022 với hạn mức cho vay là 75 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may của Công ty, thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, thời hạn và lãi suất vay theo văn bản nhận nợ theo từng lần. Khoản vay được bảo đảm bằng hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0219/22/TSN/HĐTC.BS và Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 0224/22/TSN/HĐTC.BS.



Số: 18/14

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2021	20.000.000.000	2.277.602.348	22.277.602.348
Lãi trong năm trước	-	2.085.916.224	2.085.916.224
Trích lập các quỹ	-	(2.043.518.572)	(2.043.518.572)
Chia cổ tức	-	(2.320.000.000)	(2.320.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2021	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Tăng vốn trong năm nay (*)	9.000.000.000	-	9.000.000.000
Lãi trong năm nay	-	6.869.977.264	6.869.977.264
Trích lập các quỹ	-	(3.297.589.086)	(3.297.589.086)
Tăng khác	-	479.587	479.587
Số dư tại ngày 31/12/2022	29.000.000.000	3.572.867.765	32.572.867.765

(*) Tăng vốn trong năm với giá trị 09 tỷ đồng từ Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 24/06/2022.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	15.462.800.000	10.664.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	506.200.000	1.156.000.000
Nguyễn Văn Dũng	1.450.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	11.581.000.000	7.180.000.000
Cộng	29.000.000.000	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	29.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	9.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	20.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.730.000.000	2.320.000.000

(*) Cổ tức đã chia trong năm 2022 từ Quỹ đầu tư phát triển với giá trị 2.730.000.000 đồng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 24/06/2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2022
Quỹ đầu tư phát triển	11.730.479.587	-	11.730.479.587	-
Cộng	11.730.479.587	-	11.730.479.587	-

(*) Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2022 ngày 24/06/2022 thì Công ty dùng Quỹ đầu tư phát triển để tăng vốn điều lệ với giá trị 9 tỷ đồng và chia cổ tức với giá trị 2.730.000.000 đồng.

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất quốc phòng số 2104/HĐ-BQP ngày 12/07/2012 tại 168 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm trụ sở công ty, nhà xưởng sản xuất, kinh doanh từ năm 2012 đến năm 2061. Diện tích khu đất thuê là 16.856 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Tài sản nhận giữ hộ, gia công

	Đơn vị tính	31/12/2022	01/01/2022
Vải	Mét	180.448,04	95.655,51
Keo	Mét	-	1.711,80
Nguyên phụ liệu khác	Cái	517.131,00	109.405,00

c) Ngoại tệ các loại:

	31/12/2022	01/01/2022
Dollar Mỹ (USD)	135.265,77	566.900,36

d) Nợ khó đòi đã xử lý:

	31/12/2022	01/01/2022
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Gestion Make Inc	407.211.417	407.211.417

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	444.029.090.997	280.363.777.531
Doanh thu cho thuê kho, mặt bằng	5.325.077.093	4.203.784.366
Doanh thu khác	5.579.350.545	1.110.718.582
Cộng	454.933.518.635	285.678.280.479

*b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2***2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hàng bán bị trả lại	10.466.000	195.384.771
Cộng	10.466.000	195.384.771

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm	407.956.032.281	259.866.504.729
Giá vốn cho thuê kho, mặt bằng	796.694.251	613.457.429
Giá vốn khác	5.131.301.693	1.222.074.101
Hoàn nhập chi phí dự phòng hàng tồn kho	-	(121.828.365)
Cộng	413.884.028.225	261.580.207.894

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	275.264.531	31.985.329
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.201.149.638	1.946.487.099
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	3.760.460.458	-
Cộng	6.236.874.627	1.978.472.428

5. Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	2.051.810.270	2.596.335.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.725.110.311	291.761.322
Cộng	4.776.920.581	2.888.096.514

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Thu nhập khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường	125.103.077	53.181.819
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	2.465.500	44.101.038
Thu nhập từ công nợ tồn đọng lâu không phải trả	20.687.864	-
Cộng	148.256.441	97.282.857

7. Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí phạt vi phạm hành chính về thuế	106.786.147	-
Cộng	106.786.147	-

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	4.493.314.411	3.028.276.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.922.086.678	2.735.526.684
Chi phí bằng tiền khác	1.571.227.733	292.749.869
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	29.979.420.522	17.976.153.808
Chi phí nhân viên quản lý	17.010.390.306	12.872.675.867
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.404.542.740	1.624.138.074
Thuế, phí và lệ phí	531.631.108	29.414.000
Chi phí dự phòng quỹ tiền lương	5.200.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.354.238.001	585.351.105
Chi phí bằng tiền khác	3.478.618.367	2.864.574.762
Cộng	34.472.734.933	21.004.430.361

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	311.333.491.047	174.499.793.714
Chi phí nhân công	88.070.042.007	71.203.996.280
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.956.837.181	7.753.978.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.570.523.924	21.560.013.105
Chi phí khác bằng tiền	31.938.713.088	6.997.192.218
Cộng	471.869.607.247	282.014.973.961

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	8.067.713.817	2.085.916.224

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚĐịa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.727.000.000)	(2.196.316.666)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	204.568.947	104.643.400
Các khoản điều chỉnh khác	(481.705.145)	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.063.577.619	(5.757.042)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.012.715.524	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	185.021.029	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.197.736.553	-

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.869.977.264	2.085.916.224
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(3.297.589.086)	(1.797.794.476)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(3.297.589.086)	(1.797.794.476)
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.572.388.178	288.121.748
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.222.119	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.607,65	144,06

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay cuối năm	1.274.435.280	(135.411.144)

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	215.172.634.731	165.980.006.676
Cộng	215.172.634.731	165.980.006.676

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	217.879.804.199	158.065.621.560
Cộng	217.879.804.199	158.065.621.560

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***VIII Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28

Công ty mẹ

Công ty CP Bình Phú

Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ

Công ty CP 28.1

Công ty con của Công ty mẹ

Công ty CP Bình Phú

Công ty liên kết của Công ty mẹ

(*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<i>Mua hàng</i>	744.241.172	482.903.276
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	744.241.172	481.403.276
Công ty CP 28.1	-	1.500.000
<i>Bán hàng</i>	2.857.233.752	-
Công ty CP Bình Phú	2.857.233.752	-
<i>Chia cổ tức</i>	1.626.260.000	1.066.400.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	1.626.260.000	1.066.400.000
<i>(*) Số dư với các bên liên quan</i>	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<i>Phải thu khác</i>	-	542.043.428
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	-	542.043.428
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	38.232.914	198.783.600
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	38.232.914	170.624.000
Công ty CP 28.1	-	28.159.600
<i>(*) Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:</i>	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập của thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.028.700.000	697.406.575
Cộng	1.028.700.000	697.406.575

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Địa chỉ: Số 168 Quang Trung, Phường 10, Quận Gò Vấp,
TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 HƯNG PHÚ

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Định

Lê Văn Võ Thành

Lê Đức Khiêm

